

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2024/DS-ST

Ngày: 24 - 06 - 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

****/- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tấn Bình

Ông Nguyễn Ron

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương

Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- ***Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:***

Bà Trần Thanh Trang - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2023/TLST - DS, ngày 07 tháng 07 năm 2023 về việc tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXX-ST ngày 03/04/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 19XX; Địa chỉ: số X đường Y khu phố Z, phường T, quận B, TP.H (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H; HKTT: X/XX/XX hẻm T, TP.Q, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: XL, TP.Q, tỉnh B (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/07/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông H là chị em ruột, ông H cần tiền để làm giấy tờ nhà nên có mượn của bà 150.000.000 đồng, cụ thể: ngày 13/4/2021, bà chuyển 100.000.000 đồng; ngày 16/4/2021 chuyển 40.000.000 đồng và ngày 19/4/2021 chuyển 10.000.000 đồng (03 lần đều chuyển tiền tại Ngân hàng Á Châu, từ tài khoản 130587339 của bà đến tài khoản ông H 1019974725).

Khi mượn ông H hẹn 1 tháng trả nhưng từ đó đến nay ông H không trả, bà đã nhiều lần liên lạc nhưng ông H cứ hẹn mà không trả. Do đó bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải trả số tiền đã mượn là 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngày 21/01/2024 ông Nguyễn Văn H đã chuyển trả cho bà được 50.000.000 đồng (chuyển tiền qua tài khoản người khác), do đó bà yêu ông Nguyễn Văn H phải trả số tiền nợ còn lại 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà cho ông H mượn tiền nên chỉ yêu cầu ông H trả không yêu cầu ai khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H không nộp bản tự khai và vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

**/- Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Q:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H cư trú tại số nhà X/X/X hẻm T, TP.Q , tỉnh B nên Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: ngày 13/4/2021, bà H chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn H vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 16/4/2021 chuyển tiếp 40.000.000 đồng và ngày 19/4/2021 chuyển 10.000.000 đồng từ tài khoản 130587339 của bà H đến tài khoản ông Nguyễn Văn H 1019974725 theo uỷ nhiệm chi ngày 13/4/2021, 16/4/2021, 19/4/2021 tại Ngân hàng Á Châu. Sau khi vay tiền ông H không trả nên bà H khởi kiện yêu cầu ông H phải trả 150.000.000 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H nhưng ông H không có bất cứ ý kiến nào xác nhận hay phản đối việc khởi kiện của bà H và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ với bà H. Do đó, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp và tài liệu do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

Xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Văn H có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Việc xác lập hợp đồng vay bằng hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng giữa các đương sự dựa trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận ngày 21/01/2024 ông H đã chuyển trả bà H 50.000.000 đồng, do đó bà H chỉ yêu cầu ông H trả số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu ông H trả lãi.

Hợp đồng vay giữa bà H và ông H là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý, từ năm 2022 đến nay bà H đã nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ nhưng cho đến nay ông H chưa trả là vi phạm hợp đồng. Do đó, bà H yêu cầu ông H phải trả số tiền còn nợ 100.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[3.1] Về lãi vay: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét về tiền lãi.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Ông H phải chịu 5.000.000 đồng. Bà H không phải chịu án phí nên được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ:

- Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H phải chịu 5.000.000 đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004081 ngày 07/07/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

Trần Thị Minh Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ron - Nguyễn Tấn Bình

Trần Thị Minh Hoà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Minh Hòa